

## Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

T&#225;c Gi&#7843;: Chu Đ&#225;

Th&#7913; Hai, 22 Th&#225;ng 8 N&#259;m 2011 20:03

---

Trong nước, hiện tượng dùng chữ nghĩa khác do CS Bắc Việt du nhập vào miền Nam,

lại càng với nhiều từ ngữ mới cho rất ngộ nghĩnh và xa lạ đối với phần đông dân chúng. Với chữ tiếng nôm na hóa ngôn ngữ Việt, tập đoàn CS nắm quyền đã làm dòng từ thuần Việt quá mức trở thành thô tục (như: "xông ngửi" dùng cho "nhà b&#228;o sanh", "nhà &#223;a" dùng cho "nhà vệ sinh", hay "lính thủy đánh bộ" dùng cho "thủy quân lục chiến" v. v... , và đ&#223; ra nhiều từ sai hoàn toàn nguyên nghĩa.



Ngôn ngữ thay đổi theo thời gian, theo sinh hoạt xã hội. Mỗi ngày, từ ngôn ngữ mới của đời sống, từ ngôn ngữ nh&#228;ng của văn minh người qu&#223;c mà ngôn ngữ dần dần chuyển biến. Những chữ mới được tạo ra, những chữ gần gũi với hoàn cảnh sinh hoạt xã hội cũ đã quá thời, dần dần biến mất. Các từ mới của ngôn ngữ vẫn theo cách đây chừng năm mươi năm trước, ta thấy nhiều cách nói, nhiều chữ khác xa lạ, vì không còn được dùng hàng ngày. Những thay đổi này thường làm cho ngôn ngữ trở nên sinh động hơn, giàu có hơn, tuy nhiên, trong tiếng Việt khoảng mấy chục năm gần đây đã có những thay đổi rất kém cỏi. Ban đầu những thay đổi này chỉ giới hạn trong phạm vi Bắc vĩ tuyến 17, nhưng từ sau ngày chuyển giao toàn chi&#223;m Việt Nam, 30 tháng 4 năm 1975, nó đã xâm nhập vào ngôn ngữ miền Nam.

Vậy, đâu đâu thay, lại tiếp tục xâm nhập vào tiếng Việt của người Việt ở hải ngoại? Người ta thường theo các thay đổi xã hội một cách l&#223;ng l&#223;, không suy nghĩ, rồi từ đó nó trở thành một phần của tiếng Việt hôm nay. Nếu những thay đổi xã hội hay và tốt thì là đi&#223;u đáng mừng; Những than ôi, hết những thay đổi xã hội là những thay đổi xã hội, đã không làm gì cho ngôn ngữ dân tộc mà còn làm tiếng nước ta trở nên tối tăm.

Thế những đưa vào đâu mà nói đó là những thay đổi xã hội? Nếu sự thay đổi đưa lại một chữ Hán Việt để thay thế một chữ Hán Việt đã quen dùng, thì đây là một thay đổi xã hội, nếu dùng một chữ Hán Việt để thay thế một chữ Việt thì lại càng xã hội hơn. Bởi vì nó sẽ làm cho câu nói trở đi. Người Việt vẫn dùng những từ tiếng Việt thì lại càng xã hội hơn. Nhưng là những từ tiếng Hán Việt này được

## Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

T&#225;c Gi&#7843;: Chu Đu

Th&#7913; Hai, 22 Th&#225;ng 8 N&#259;m 2011 20:03

---

mang vào tiếng Việt cho vì người T u Trung Hoa bây giờ đang dùng chữ y N u s thay đổi để đưa vào tiếng Việt mà t chữ dùng sai nghĩa, thì đây là m t s thay đổi x u vô cùng.

Sau đây, chúng tôi xin ghi lại m t s t ngữ (đ c t m x p theo v n abc) mà chữ CSVN ép dân chúng dùng, đ c lên, nói lên sai v i nguyên nghĩa, nghe thô t c, k l và nh h ng Tây ph ng r t n ng, khó có th ch p nh n:

1. "Bu i đêm". 'Bu i đêm tôi có g p đ ng chí T x a đ n nay ng i Việt không bao giờ nói "bu i đêm" c , ch nói "ban đêm", "ban ngày". "Ban" đ c hi u nh là m t th i gian kho ng 12 gi , ban đêm 12 gi c ng v i ban ngày 12 gi là 24 gi . Còn "bu i" thì chúng ta có "bu i sáng", "bu i tr a", "bu i chi u", "bu i t i". Ban ngày có 12 gi và t m coi nh có 4 bu i, nh v y m i bu i có 3 gi đ ng h Night time, day time khác v i morning; noon; afternoon; evening. Chúng ta th ng nói: 'Ch ông y m t c bu i. Bu i đ đây là kho ng ba gi . Câu nói khác: 'Th là m t m t bu i cày. Bu i đ đây l i có nghĩa m t c m t ngày công. Ch ra t bu i đêm là làm h ng ti ng Việt.

2. "C i t o" = transform, improve; re-education. H không phân bi t "c i t o v t ch t" v i "c i t o t t ng", quan ni m chính trị. Nói : 'Ph i dùng cát đ c i t o đ t', khác v i 'Trung úy mi n Nam b đi tù c i t o. N u mu n ch a cho đ t có màu m h n nên dùng "c i ti n", "c i thi n"... Kho ng 50 năm nay t "c i t o" c n c đã hi u là t tù r i!

3. "C m giác". 'Xin anh cho bi t c m giác ra sao v hi n t ng đo nh ng gì c m th y đ c đ c b ng giác quan. Có ngũ giác: xúc giác: s ch m, th giác: m t th y, thính giác: tai nghe; v giác: l i n m, kh u giác: mũi ng i. Đó là các sense organs, còn c m giác và c m t ng; c m tính (feeling, khác v i lý tính) đ l m l n vì đó là sensation, impression. Dùng đúng ch ph i là: 'Xin anh cho bi t c m nghĩ, c m t ng, v hi n t ng đo chính xác h n là "c m giác". (Ngoài ra impression còn có nghĩa là n t ng, đ u n). Chúng ta có th nói : có c m giác ghê s , nh m t m, l t l o, m cúng.. m t giác xu t phát t não b , tuy cũng do t n m giác quan v a k g i tín hi u lên óc.

4. "C u lông" = Badminton = M t môn th thao nh nhàn g n gi ng qu n v t, có giăng l i i cao, dùng v t nh và qu c u có g n lông vũ, đánh qua l i trên l i. Trên th c t qu c u badminton làm gi b ng nh a không ch b ng lông gà lông v t n a. Cách g i này thô t c quá! T i sao không g i là c u lông vũ ho c bát-minh-t n? Ng i vi t còn nh có l n đã b bà v m t đ i tá s a l ng, khi l mi ng nói: lông qu ào. Bà k l i, tôi b bà Trg. Tg. Khg. m t ng i mi n B c ch a khéo: 'Ch nên g i là tuy t c a qu ào thì l ch s , thanh tao h n'. Sau đây là cách

dùng sai từ, nhưng mục đích tuyên truyền hoặc làm gì đó hoặc tăng mức quan trọng của sự việc.

5. "Chất lượng": Đây là chỗ đang đứng của dùng để chỉ tính chất của một sự kiện, một đồ vật. Người ta dùng chữ này để chỉ chất lượng của tiếng Anh. Nghe thân ôi! Lượng không phải là phẩm tính, không phải là quality. Lượng là số nhiều ít, là quantity. Theo Hán Việt Từ Điển của Thiệu Chu, thì lượng là: đồ đồng, các cái như cái đũa, cái hộc dùng đồ đồng đũa gọi là lượng của. Vậy tại sao người ta lại chỉ như một như một mũi dùng một chữ sai và để như thế. Không có gì bực mình hơn khi mà một tờ báo Việt ngữ ở hải ngoại lại phải để chữ sai này trong các bài viết, trong các quảng cáo tiếng Anh mãi. Muốn nói về tính tốt xấu của món đồ, phải dùng chữ phẩm. Bởi vì phẩm tính mới là quality. Mình đã có sự kiện chữ "phẩm chất" rồi tại sao lại bị quên mà dùng chữ "chất lượng". Tại sao lại phải bắt buộc mọi anh cán bộ, cho thêm buổi tiếng nước ta.

6. "Cuộc gặp" = meet, run into = hội kiến, gặp mặt, gặp gỡ, buổi họp. Nghe "Cuộc gặp" thay đổi ngữ pháp, chữ a trở nên nghĩa. Ý họ muốn từ một cuộc hội kiến tay đôi, một lần gặp gỡ, chữ a hơn là một hội nghị (conference). Nên dùng như thí dụ này: "Buổi họp Thái đã hội kiến gặp gỡ buổi họp Lào"...

7. "Cưới". Nhà văn Lê Minh Hà đi tìm miền Bắc, công tác ở Đông Đức, rồi xin trở nên ở Đức, viết trong tập truyện ngắn "Trăng Góa": 'Buổi này chữ a cưới', 'chúng tôi cưới' đó là thói quen từ vùng nông thôn. Đây không phải là lời hành văn mới mẻ, kiểu cách chữ là thói quen dùng sai từ To marry, get married, nhưng người Việt phải nói là: 'Chúng tôi chữ a làm đám cưới; buổi này cưới nhau. Câu này lại do một vai trò thuật, lại càng sai ngữ pháp. Chúng ta chỉ nói "cưới và", không bao giờ nói "cưới chữ ng" của. Chỉ có hai trường hợp dùng để chỉ hai chữ "cưới chữ ng". Một là cô gái có lời hứa nào đó, nhà gái phải bồi dưỡng, chữ u mới chi phí đám cưới để lấy cho được một trăm chữ ng. Hai là như ng dùng bảo thiêu sự, sự dân nào còn theo chữ để mua họ, cô gái cưới chữ ng, vì chàng rể sẽ thu được nhà gái. Nhà gái phải trả cho nhà trai trâu, lợn, gà, chĩnh đồ ng, v.v. để mua rể.

8. "Đi trà" = on a large scale = cỡ lớn, quy mô lớn. Thí dụ: "đồng bào trồng cây cà phê đi trà". Tại sao không dùng như trước là "quy mô lớn"? Ngoài ra dùng "đi trà" là bắt buộc Trung Quốc. Có thể gây hiểu lầm là "cây trà lớn"!!

9. "Đăng ký" = register = ghi tên, ghi danh. Nghĩa rất đơn giản, nhưng bắt buộc Trung Quốc, chữ dùng Hán-Việt. Câu nói sau đây nghe kỳ lạ: 'Tôi đã đăng ký mua khoai mì ở Phố ng...'. Tại

sao không dùng "ghi danh", "ghi tên"? "Đăng ký" là một chữ mà người Công Sơn miền Bắc dùng vì tinh thần nô lệ người T u của họ đến khi toàn chi m lãnh thổ, họ đã làm cho chữ này trở nên phổ thông ở khắp nước. Trước đây, ta đã có chữ "ghi tên" (và "ghi danh") để cùng một nghĩa. Người T u dùng chữ "đăng ký" để dịch chữ 'register' từ tiếng Anh. Ta hãy dùng chữ "ghi tên" hay "ghi danh" cho câu nói trở nên sáng sủa, rõ nghĩa. Dùng làm chỉ cái chữ Hán Việt kia để cho có ý nô lệ người T u!

10. "Đu ra, đu vào" = output, input = cái đu ra, cái đu vào, dòng đu cho vào máy; đu ki n đu vào máy vì tính. Họ còn dùng có nghĩa là v n, học thì gi , công s c b vào và k t qu c a cu c đu u t đó. Nghe dùng "đu ra, đu vào" nghe thô t c (gi ng nh t b ph n = m t ph n vi c, m t nhóm, t , đã b nhà văn n Kathy Tr n đ p chát, h i: "B ph n gì?" b ph n c a đàn ông, đàn bà ). Có thể dùng "v n đu u t" và "k t qu s n l ng".

11. "Gi i phóng" = liberate, emancipate/ free, relieve, release = gi i t a, x ,th , tr t do T gi i phóng chữ nên dùng cho con người, không dùng cho loài v t, đ t, v n... Họ l m đ ng t gi i phóng, nghe không thu n tai và sai nghĩa. Ví d : 'Đã gi i phóng (gi i t a) xong m t b ng đ xây đ ng nhà máy; Anh công an l u thông tích c c công tác đ gi i phóng (gi i t a) xe c ; Em X gi i phóng (th ) con chó !! Nghe câu sau đây m i là dùng đúng cách: 'phong trào gi i phóng ph n ; Công cu c gi i phóng nô l .'.

12. "Hi n th " 'Ch c n n nút thì m i nhu c u s đ c hi n th trên máy tính...' (appear on screen). Tại sao không nói "s th y hi n rõ trên máy".

13. "Hùng hi m" 'Đ a th n i đó r t hùng hi m...' hùng vĩ = hi m tr (majestic greatness + dangerous).

14. "Kh năng": Chữ này tiếng đ ng v i ch ability trong tiếng Anh, và chữ đ c dùng cho người, t c là v i ch t có thể t gây ra hành đ ng đ ng theo ch ý. Tuy nhiên hi n nay ở Việt nam người ta dùng chữ "kh năng" trong b t k tr ng h p nào, t o nên nghe câu nói r t k c c. Ví d thay vì nói là 'tr i hôm nay có th m a, thì người ta l i nói: 'tr i hôm nay có kh năng m a, nghe v a n ng n , v a sai. "Có kh năng": Đây là cách s đ ng r t Tây, thí d : 'Hôm nay th i t có kh năng m a, chúng ta t m ch p nh n (sao không nói gi n đ là: "Hôm nay tr i có th m a" ?). Thí d này khó ch p nh n: 'H c sinh X có kh năng không đ t đ i m t t nghi p'. Có kh năng là ability; aptitude; capacity và luôn luôn dùng ở tr ng thái tích c c (positive), không bao gi dùng v i tr ng thái tiêu c c (negative). Nghe câu sau đây nghe r t ch ng: 'B nh nhân có kh năng b hôn mê'. 'Đ ch có kh năng b tiêu di t..' v.v...

15. "Khả thi" = fisible, applicable; ability to carry out = có thể thực hiện được, có thể thi hành được. "Khả thi" và "bắt khả thi" cũng chủ yếu như những người của Trung Quốc. Sao không dùng: "không thực hiện được" hay "không thể hiện nổi". Ngoài ra "khả thi" sẽ đưa đến sự hiểu lầm là "có thể đi thi được".

16. "Khẩn trương": Trước năm 1975 chúng ta đã có những những lính công sự, khi họ dùng chủ này thay thế chủ 'nhanh chóng'. Những than ôi, ngày nay vẫn còn những người Việt Nam (và cộng đồng sang Mỹ sau này) vẫn vô tình làm thoái hóa tiếng Việt bằng cách bỏ chủ 'nhanh chóng' để dùng chủ 'khẩn trương'. Đáng lẽ phải nói là: 'Làm nhanh lên' thì người ta nói là: 'làm khẩn trương lên'.

17. "Khẳng định". Thói quen dùng động từ này bây giờ làm động: 'Điền viên X đã khẳng định được tài năng. Động chí A khẳng định vị trí giám đốc'. Khẳng định; xác định, xác nhận = affirm và confirm có nghĩa gần giống nhau, ngoài nghĩa theo luật pháp có nghĩa là phê chuẩn, chu y. Tuy nhiên âm thanh của khẳng định nghe nặng nề.

18. "Kích cầu" = to level the bridge/ needing to stimulate = nhu cầu để kích thích/ nâng cao cái cầu lên. Có hai nghĩa cầu hàm ý là chủ xúc tác, kích thích thì khi nào sẽ việc tiến hành. Cách dùng hiện tại: Bên công chánh có lẽ dùng những con đường để nâng cao cái cầu giao thông lên. Tại sao không dùng "kích thích", "chủ xúc tác" như trước?

19. "Làm rõ" 'Công an Phường 16 đang làm rõ vụ việc này. Làm rõ=clarify, cần làm rõ vì có sự mù mịt, chủ minh bạch, ngoài còn có nghĩa gần như nói rõ ràng, chính xác. Đúng nghĩa phải là đi u tra = investigate. Cách sử dụng từ làm rõ cũng giống như làm việc (vụ công an) chủ như xóa bỏ sự ngờ vực, hãi hùng của người dân khi phải tiếp xúc với công an công sự. Họ cần tránh những động từ như "đi u tra", "khai báo", "trình diện" v.v...

20. "Liên hệ": Cũng từ miền Bắc, chủ này lan khắp nước và nay cũng tràn ra ngoài Liên hệ là có chung với nhau một nguồn gốc, một đặc tính. Người công sự Việt Nam dùng chủ liên hệ để nói chuyện, đàm thoại. Tại sao không dùng chủ Việt là 'nói chuyện' cho đúng và gần gũi. Chủ liên "hệ" sang tiếng Anh là 'to relate to', chủ không phải là 'to communicate to'.

## Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

T&#225;c Gi&#7843;: Chu Đ&#225;

Th&#7913; Hai, 22 Th&#225;ng 8 N&#259;m 2011 20:03

---

21. "Ngài": 'B&#225; tr&#225;ng ngo&#225;i giao ta đã gặp Ngài Brown th&#225; tr&#225;ng thành phố San Francisco. Ngài là Sir, m&#225;t t&#225;c v&#225; c&#225;a Hoàng gia n&#225;c Anh ban cho m&#225;t nh&#225;n v&#225;t nào đó. Sir có th&#225; d&#225;ch ra là Hi&#225;p sĩ, cũng có th&#225; là Knight = H&#225;u t&#225;c xu&#225;ng đ&#225;n t&#225;ng Nam t&#225;c = Baronet. Theo nghĩa th&#225; nh&#225; "ngài" là m&#225;t t&#225; dùng đ&#225; xu&#225;ng h&#225; và là m&#225;t t&#225; tôn xu&#225;ng nh&#225; c&#225;, ông bà, bác, chú. Trong c&#225; hai tr&#225;ng h&#225;p câu trên đ&#225; sai. Ông W. Brown ch&#225;a bao gi&#225; đ&#225;c N&#225; hoàng Anh trao t&#225;ng t&#225;c hi&#225;u Sir. Theo l&#225;i xu&#225;ng h&#225; chính th&#225;c ngo&#225;i giao c&#225;a M&#225; và theo l&#225;i Vi&#225;t Nam, không nên gọi ông W. Brown là Ngài vi&#225;t hoa. Theo l&#225;i xu&#225;ng h&#225; chính th&#225;c c&#225;a M&#225;, trên văn th&#225; ph&#225;i là:

The Honorable ..W. Brown

Mayor of San Francisco

Hình th&#225;c chào h&#225;i:

Sir:

Dear Mayor Brown

Nh&#225; th&#225; gọi m&#225;t ông th&#225; tr&#225;ng M&#225; là Ngài đã hoàn toàn sai.

Qua sách báo t&#225; sau 1954, mi&#225;n B&#225; c dùng sai và l&#225;m đ&#225;ng t&#225; Ngài.

Cách dùng th&#225; nh&#225;t đ&#225; tôn xu&#225;ng quá đáng gọi ch&#225;c ngo&#225;i qu&#225;c, th&#225; nh&#225; là đ&#225; ch&#225; di&#225;u, kh&#225;i h&#225;i các nh&#225;n v&#225;t trong kh&#225;i t&#225; do dân ch&#225;, và đ&#225; mi&#225;n Nam, thí đ&#225;: Ngài đ&#225;i úy, ngài thi&#225;u tá ngay c&#225; có đ&#225;o h&#225; đã gọi Thi&#225;u t&#225;ng Nguy&#225;n Cao K&#225; là Nguyên soái! T&#225; sau 1954, trong mi&#225;n Nam gọi nh&#225; không bao gi&#225; chúng ta th&#225;y xu&#225;t hi&#225;n t&#225; Ngài! Ch&#225; đ&#225; c&#225;ng s&#225;n t&#225; nh&#225;n là vô s&#225;n, đánh phong ki&#225;n, di&#225;t quan l&#225;i, nh&#225;ng nay h&#225; l&#225;i quan l&#225;i, phong ki&#225;n h&#225;n ai h&#225;t. Ch&#225;ng c&#225; qua t&#225; tôn xu&#225;ng Ngài và h&#225; còn t&#225; nh&#225;n và gọi các cán b&#225; và nh&#225;n v&#225;t quan tr&#225;ng ngo&#225;i qu&#225;c là Quan ch&#225;c. Quan ch&#225;c = officials, có th&#225; đ&#225;ch là "viên ch&#225;c", hay "g&#225;i ch&#225;c ngo&#225;i giao", "nh&#225;n viên chính ph&#225;", "ph&#225;i đ&#225;n ngo&#225;i giao", v.v...

22. "Nghề nhân": Ta vẫn gọi nghề nghiệp này là 'nghề sĩ'. Mặc dù đây cũng là tiếng Hán Việt, nghề nghiệp T&#225;u không có chữ "nghề sĩ", họ dùng chữ "nghề nhân". Có nghề nghiệp tiếng r&#225;ng chữ 'nghề nhân' cao hơn chữ 'nghề sĩ', họ đâu biết rằng nghĩa cũng như vậy, mà sẽ dĩ nhiên công nhận Việt Nam dùng chữ 'nghề nhân' là vì tinh thần nô lệ Trung Hoa.

23. "Quản lý" = management = quản trị, chịu trách nhiệm. Bắt đầu từ Trung Quốc và bắt đầu mở rộng. Nói: 'Anh X quản lý một xí nghiệp' thì đúng, nhưng câu sau 'nhái lại khi hỏi 'Anh sẽ xây dựng và quản lý xí nghiệp, và quản lý xí nghiệp...'. "Quản lý" chỉ dùng để trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, hành chính. "Quản lý" không dùng cho lĩnh vực tình cảm, tình cảm không phải là một lô hàng, không phải là một xí nghiệp.

24. "S&#225; h&#225;u". 'M&#225;i quan hệ Việt-M&#225;ch là s&#225; h&#225;u. S&#225; h&#225;u + bạn mới quen, mới làm bạn (new friendship). Tại sao không nói: 'M&#225;i quan hệ Việt-M&#225;ch là bạn mới quen'...?

25. "S&#225; c&#225;": "S&#225; c&#225; k&#225; thu&#225;t": tại sao không dùng chữ v&#225;a gi&#225;n d&#225; v&#225;a ph&#225; thông trực tiếp đây như 'tr&#225;ng&#225;i hay 'tr&#225;ng&#225;i k&#225; thu&#225;t' hay gi&#225;n d&#225; h&#225;n là chữ 'h&#225;ng'? (Nói 'xe tôi b&#225; h&#225;ng' rõ ràng mà gi&#225;n d&#225; h&#225;n là nói 'xe tôi có s&#225; cô).

26. "Tai nạn xã hội". 'Tai nạn xã hội ra khá nhiều trên đường phố này, tai nạn + tai nạn xã hội (accident + social crime/evil). Cách ghép như vậy

27. "Thành viên" = member = theo cách nói và viết thông thường là một người trong một tổ chức, hội đoàn, nhóm nào đó. Không thể dùng "thành viên" cho một cá nhân trong gia đình được. Thí dụ sau đây nghe rất Tây: 'Các thành viên trong họ đó có cha, mẹ và hai con/ Bé Năm là một thành viên trong gia đình...'. Tại sao không nói: 'Trong gia đình đó có cha, mẹ và hai con/ Bé Năm là một đứa con trong gia đình...'. Thí dụ sau đây mới là dùng đúng: 'M&#225; là thành viên trong Hội đồng Bộ An Liên Hiệp Quốc có quy&#225;n ph&#225; quy&#225;t ..'

28. "Tham quan": đi thăm, đi xem thì nói là đi thăm, đi xem cho rồi tại sao lại phải dùng cái chữ này của người T&#225;u! Sao không nói là 'Tôi đi Nha Trang chơi, tôi đi thăm lăng Minh Mạng', mà lại phải nói là 'tôi đi tham quan Nha Trang', 'tôi đi tham quan lăng Minh Mạng'.

29. "Tháng một; tháng hai". Hiện nay ở Việt Nam trong tiếng học không dạy học sinh "tháng giêng" và "tháng chạp" nữa. Tháng giêng và tháng chạp là cách gọi riêng của Việt Nam. Lúc ở Việt Nam ghi tháng một là tháng giêng cũ. Trước đây chúng ta vẫn gọi tháng đầu năm âm lịch là "tháng giêng", tháng 11 là "tháng (mười) một" và tháng cuối năm là "tháng chạp". Gọi là tháng chạp là do tháng cuối năm âm lịch có nhiều ngày, trong đó có ngày chạp. Ca dao đã có câu:

"Tháng chạp là tết trồng khoai

Tháng giêng trồng đầu tháng hai trồng cà"

Tháng 11 âm lịch gọi là "tháng một" dù là tháng giêng, nên đã nhầm lẫn. Nhưng gọi tháng January đúng là "tháng một" nghe không quen, phải gọi là tháng giêng. Còn tháng December gọi là tháng mười hai, không có vấn đề. Nhưng học có dạy cho học sinh tiểu học hiểu rằng tháng 12 trong năm âm lịch bắt đầu của phải gọi là tháng chạp không?

30. "Thống nhất". 'Tôi đã xuống huyện thống nhất đồng chí X.' Câu này mắc hai lỗi. Thống nhất thì liên tục với, thống nhất là thống nhất đi xuống gì, chuyển gì. Thống nhất (unify; unified). Từ đồng nghĩa này phải nói là "đồng ý" với; "nhất trí" với.

31. "Thống nhất, thống nhất". Trước đây theo cách đếm số, chúng ta có con số thứ nhất (cardinal number) như 1.2.3.4 và số thứ tự (ordinal number) thống nhất, thống nhất. Hiện nay học đúng không dùng số thứ tự và gọi thống nhất là hai. Chữ second; deuxième là "thứ hai" dù là đếm với "thứ hai" = Monday. Trên sách báo chữ thứ tự viết: một là; hai là. Nhưng chữ riêng nước Việt Nam không cần đến số thứ tự (ordinal number) nữa sao?

32. "Đồng thích". Giá cả đó đồng thích với chất lượng một hàng... đồng thích = thích hợp (equal = appropriated). Cách ghép này gọi đồng gao.

33. "Tranh thủ": Thay vì dùng một chữ vừa rõ ràng vừa gọn là chữ 'cố gắng', thì cái từ sính



## Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

T&#225;c Gi&#7843;: Chu Đu

Th&#7913; Hai, 22 Th&#225;ng 8 N&#259;m 2011 20:03

---

dùng ch Hán Việt của người nói, người ta lại dùng một chữ v a n ng n v a t i nghĩa là chữ 'tranh th'. Thay vì nói: 'anh hãy c làm cho xong việc này tr c khi v , thì người ta lại nói: 'anh hãy tranh th làm cho xong việc này tr c khi v .

34. "Trao đổi" = exchange = theo nghĩa của h là nói chuyện, đi thoi, hi thoi. Cách dùng chữ u nh h ng n ng Tây ph ng. Trao đổi theo đúng nghĩa là đi chắc 'ông đưa cái giò, bà thò chai r u. H ch u nh h ng Tây ph ng quá n ng, vì trao đổi ch áp đ ng cho hàng hóa (giao th ng) hay con ng i. Thí d : 'Hai n c trao đổi lãnh s , trao buôn bán, m u đ ch'. Kí u và Kim Tr ng đã trao đổi quà t ng tình yêu cho nhau. Không bao gi trao đổi i có nghĩa là nói chuyện, đi thoi. Thí d sau đây cho th y cách dùng sai i c: 'Anh Phillippe Jamet đang trao đổi v i m t bé gái Việt Nam...'. Trao đổi gì? Quà t ng gì? Trao đổi không bao gi có nghĩa là converse, talk to, ch là exchange thôi.

35. "Tr ng th ": Coi tr ng (show consideration for/ attach important to) trong t đi n ghi là m t t cũ, không hi u sao i đ c dùng tr i. Thí d : "Chúng ta ph i tr ng th y u t đó". C nôm na nói: 'Chúng ta ph i coi tr ng y u t đó là đ và gi n đ r i.

36. "Trúng th ng" = reward, award. Th nào gi i là th ng? Th ng là th ng cho nh ng cá nhân hay t p th có công, tài gi i, đ t thành tích cao .. Th ng đi đôi v i ph t. V y không th nói : 'Mua hàng s đ c trúng th ng.../ Anh X trúng th ng x s thành ph X. đ c 50 tri u ' Đó ch là quà t ng, bi u không, không ph i là th ng, và ch là trúng x s ch không lĩnh th ng. X s là hình th c đánh b c, nên gi i tránh đi là trúng th ng (Th t là mâu thu n, trong khi đó h b ti n ra mua máy đánh b c đ t trong các khách s n i!!)

37. "Trúng tuy n" (nghĩa v quân s ) = select, choose/ recruit. Chúng ta v n nói và vi t "tuy n sinh", "tuy n quân", "tuy n m ", "tuy n đ ng"... Nh ng nói : "trúng tuy n nghĩa v " th t là khô hài. Nghĩa v quân s là thi hành quân đ ch, đ n tu i ph i đi, b t bu c ph i đi, không có chuy n trúng tuy n hay không đ c tuy n (nên dùng theo nghĩa x u ch có dân nghèo, không có ti n đút lót và không ph i là con cán b cao c p, m i b trúng tuy n).

38. "T li u": Tr c đây ta v n dùng ch "tài li u", r i đ làm cho khác mi n Nam, người i mi n B c dùng ch 't li u trong ý: 'tài li u riêng của người vi t'. Bây gi nh ng người vi t h i người cũng a dùng ch này mà b ch 'tài li u', m c dù nhi u khi tài li u s đ ng i là tài li u đ c trong th vi n ch ch ng ph i là tài li u riêng của ông ta.

39. "Vị trí" = place/ position/ job, task = chỗ đứng, vị thế / nơi chốn/ vị trí làm, trách nhiệm. Nhưng hình dùng "vị trí" cho luôn cả nghĩa là "trách nhiệm", "vị trí làm". Câu nói sau đây là sai: 'Anh A đã thay anh B công tác ở vị trí kế toán trưởng'. Nên nói: 'Anh A đã thay anh B công tác ở trách nhiệm kế toán trưởng' mới đúng. Thông thường chúng ta hay dùng: 'Tiểu đội A đã chiếm lĩnh vị trí trên cao, tiểu đội có thể ngăn chặn địch trung đội đổch tiến lên đội'.

40. "Vùng sâu xa": Vùng rừng núi, đầm lầy (highland = swamp area). Đây là cách sử dụng chính thức tránh thực tế. Vùng ở trong sâu hiểm là vùng hẻo lánh, sinh lầy và vùng xa xôi là vùng trên cao, xa. Đây là cách dùng mà dân, cũng như đồng bào đồng y giáo viên, kẻ sĩ, bác sĩ không phê phán, không là con cháu cán bộ đội ngũ chính quyền địa phương. Ngoài ra "sâu xa" còn gây hiểu lầm với 'lòng cảm ơn, biết ơn sâu xa' đã quen dùng từ cũ này.

41. "Xuất khẩu", "Cửa khẩu": Người Việt dùng chữ khẩu, người Việt dùng chữ cửa. Cho nên ta nói "xuất khẩu", "nhập khẩu", chứ không phải nhập cửa theo Tiểu đội là "xuất khẩu", "nhập khẩu". Bởi vì ta vốn thường nói phi trường Tân Sơn Nhất, phi trường Tân Sơn Nhất, hải quân Hải Phòng, giang trường Saigon, trường trường trường Saigon. Chứ không ai nói phi trường Tân Sơn Nhất, hải quân Hải Phòng, trường trường trường Saigon trong tiếng Việt. Khi viết tin liên quan đến Việt Nam, ta dùng bản tin của họ để lấy dữ kiện, rồi khi viết lại bản tin đăng báo hay đưa trên đài phát thanh thì sao không chuyển chữ (x) cửa của họ sang chữ (t) cửa mình, mà lại copy y hệt?

42. Còn hai từ nữa bản ngữ người dân miền Bắc dùng vì lấy cách dùng cửa của cán bộ là "bản thân" và "chính yếu": "Bản thân" = self, oneself, và "chính yếu" = main, principal. Qua những câu chuyện thường ngày, chúng ta nghe hình dùng hai từ này bừa bãi, sai lầm: 'Thức ăn chính yếu của đồng bào vùng này là ngô và khoai; Chúng tôi lấy gạo làm chính yếu để thành giá trị trao đổi. Và: 'Bản thân tôi cũng không tránh khỏi dao động. Bản thân số kiến đó còn nhiều hơn nữa'. Người ta đã bỏ quên từ "tự và chính" để dùng từ xa của nay, thí dụ: Thức ăn chính cửa đồng bào. Chính tôi cũng không tránh khỏi dao động; Tiểu thân số kiến đó. Hiện nay đang có phong trào ghép chữ cửa bãi giữa hai từ Hán-Việt + Hán-Việt hoặc Hán-Việt + Nôm. Thí dụ: "động thái", "thực trạng", "siêu sao", "siêu trưởng". Động thái là hành động + thái độ (action + attitude); thực trạng là tình trạng thân thể (physical form situation); siêu sao = super-star; siêu trưởng = super-long. nghe lạ tai. Đã đành là ngôn ngữ chính qua chữ là ngôn ngữ của hiểu con người sử dụng để hiểu nhau, thông cảm nhau. Tuy nhiên ngôn ngữ của hiểu đó không được khó hiểu, bí hiểm, khó nghe, chói tai, kệ lả.

43. Những danh từ kỹ thuật mới: Tiểu đội của điện tử, cửa computer từ ra nhiều danh từ kỹ thuật mới, hay mang ý nghĩa mới. Những danh từ này theo số phần bị biến dạng rồi cửa kỹ thuật đã trở nên thông dụng trong ngôn ngữ hàng ngày. Hiện hình những chữ này có gốc từ tiếng Anh, bởi

## Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

T&#225;c Gi&#7843;: Chu Đ&#225;

Th&#7913; Hai, 22 Th&#225;ng 8 N&#259;m 2011 20:03

vì Hoa Kỳ là nước đi trước các nước khác về kỹ thuật. Các ngôn ngữ có ngôn ngữ chung (tiếng Đức, tiếng Pháp) thì việc chuyển đổi dễ dàng nên tự nhiên và rõ ràng, ngôn ngữ không cùng gốc, thì người ta đã áp dụng hóa ngôn ngữ này mà dùng. Riêng Việt Nam thì làm chuyển đổi các là dễ dàng ngôn ngữ này ra tiếng Việt (hay mượn ngôn ngữ để dịch của người T&#225;), họ nên mất một chút giây phút, người Việt cũng không thể hiểu nghĩa ngôn ngữ này là gì, mà họ hiểu cho hiểu nghĩa thì khi gặp ngôn ngữ này trong tiếng Anh thì vẫn không hiểu. Ta hãy nhớ rằng, ngay cả ngôn ngữ người Mỹ không chuyên môn về toán, họ cũng không hiểu chính xác nghĩa của ngôn ngữ danh từ này, ngôn ngữ họ vẫn cần phải biết là chính xác dùng để chỉ các vật, các kỹ thuật này, và họ dùng một cách tự nhiên thôi. Vậy tại sao ta không Việt hóa các chữ này mà phải mất công để dịch ra cho các nước, cho tiện nghĩa. Ông cha ta đã tiếng Việt hóa biết bao nhiêu chữ tiếng Anh, khi tiếp xúc với kỹ thuật phương Tây cũng vậy. Ví dụ như ta Việt hóa chữ 'pomp' thành 'bơm' (bơm xe, bơm nước), chữ 'soup' thành 'xúp', chữ 'pharé' thành 'đèn phá', chữ 'cycló' thành 'xe xích lữ', chữ 'manggis' (tiếng Mã Lai) thành 'quả măng cụt', chữ 'durian' thành 'quả sầu riêng', chữ 'bougié' thành 'bu-gi, chữ 'manchon' thành 'đèn măng xông', chữ 'boulon' thành 'bù-long', chữ 'garé' thành 'nhà ga, chữ 'savon' thành 'xà-bông'?

Bây giờ để báo, thay ngôn ngữ để dịch mới, thì dù đó là tiếng Việt, người để cũng vẫn không hiểu như thế này. Hãy duyệt qua một vài danh từ kỹ thuật bên dưới qua tiếng Việt Nam, như :

- Scanner để thành 'máy quét'. Tr&#225;i này! 'máy quét' đây, thế còn máy lau, máy rửa đầu! Mọi người nghe cả tiếng là máy quét nhà!
- Data Communication để là 'truyền dữ liệu'
- Digital camera để là 'máy ảnh kỹ thuật số'
- Database để là 'cơ sở dữ liệu'. Ngôn ngữ người Việt đã không biết database là gì thì càng không biết 'cơ sở dữ liệu' là gì luôn.
- Software để là 'phần mềm', hardware để là 'phần cứng' mọi người nghe cả tiếng nói về đàn ông, đàn bà. Chữ 'hard' trong tiếng Mỹ không luôn luôn có nghĩa là 'kho, hay 'cứng', mà còn là 'vững chắc' ví dụ như trong chữ 'hard evident' (bằng chứng xác đáng). Chữ soft trong chữ 'soft benefit' (quyền lợi ích lợi) chữ 'soft' là 'quyền lợi ích lợi' sao ?
- Network để là 'mạng máy'.
- Cache memory để là 'truy cập nhanh'.
- Computer monitor để là 'màn hình' hay 'điều khiển'.
- VCR để là 'đầu máy'. (Nh&#225; vậy thì đầu máy đầu ? Nh&#225; vậy ngôn ngữ máy khác không có đầu ). Sao không gọi là VCR như mình thường gọi TV (hay Ti-Vi). Nếu thế thì DVD, DVR thì họ để là cái gì?
- Radio để là 'cái đài'. Tr&#225;i này mình đã Việt hóa chữ này thành ra-đi-ô hay radô, họ để để là 'máy thu thanh'. Nay gọi là 'cái đài' vậy sai, vậy các nước. Đài phát là một cái tháp cao, trên một ngọn núi cao (ví dụ đài phát thanh), chữ không phải là cái vật như ta có thể mang đi khắp nơi để được.
- Chanel gọi là 'kênh'. Tr&#225;i này để để chữ TV chanel, ta đã dùng chữ đài, như đài số 5, đài truyền hình Việt Nam, gọi là kênh nghe như đang nói về một con sông đào nào đó ở vùng Hòa Giang!

## Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

T&#225;c Gi&#7843;: Chu Đ&#225;

Th&#7913; Hai, 22 Th&#225;ng 8 N&#259;m 2011 20:03

---

Ngoài ra, đi về chúng ta, Saigon luôn luôn là Saigon, h&#225;n n&#225;a người dân trong nước vẫn gọi đó là Saigon. Các xe đò vẫn ghi bên hông là 'Saigon - Nha Trang', 'Saigon - Cần Thơ' trên cửa ng vé máy bay Hàng Không Việt Nam người ta vẫn dùng 3 chữ SGN để chỉ thành phố Saigon. Vậy khi làm tin đăng báo, thì sao người Việt ở hải ngoại cũng dùng tên của mình ... để gọi thành phố thân yêu của chúng mình?! Đi về Việt Nam tìm để mình không thấy ai không gọi Saigon là Saigon, vậy mà chỉ cần để các báo tin, các truyền thông Việt ở Hoa Kỳ ta thấy tên Saigon không dùng nữa thì sao ?

Đây chỉ là một vài ví dụ để nói chỉ thôi, chỉ cần theo cái đà này thì chúng mình chỉ cần mà người Việt nói tiếng Anh luôn mãi! Tất nhiên, vì để người nước ngoài quy định tên của mình sinh hoạt ở Việt Nam, nên ta khó có thể hình dung vào tiếng Việt đang dùng trong nước, nhưng thì sao các nhà truyền thông hải ngoại lại cũng như mình một dùng theo những cách khác nhau! Cái khôi hài nhất là nhiều vẫn trong giới này vẫn thường nghĩ mình là giáo sư (thường chỉ là giáo sư trung học để nhốt cấp (chưa để cấp nhân) hay để nhốt cấp ở Việt Nam ngày trước, chỉ cần có bằng Ph.D. nào cũng), hay là các người giới chức này chỉ cần trong các hội đoàn thì cho là có trách nhiệm về văn hóa Việt Nam ở ngoài nước!

Trước đây Phạm Quỳnh từng nói: 'Truyền Kiều còn thì tiếng ta còn, tiếng ta còn thì nước ta còn', bây giờ Truyền Kiều vẫn còn mà cả tiếng ta lại không còn ta lại đang đi đến xu hướng học sâu B&#225;c Thu&#225;c. Than ôi!